

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 BÀI 24:**VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN VÀ LÂM NGHIỆP**

Câu 1: Dựa vào bản đồ Lâm nghiệp ở Atlas trang 20, các tỉnh có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh ở mức trên 60 % năm 2007 là

- A. Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Phú Yên.
- B. Thái Nguyên, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Cao Bằng.
- C. Sơn La, Hòa Bình, Điện Biên, Lai Châu.
- D. Tuyên Quang, Quảng Bình, Kom Tum, Lâm Đồng.

Câu 2: Vùng có nhiều điều kiện thuận lợi để nuôi trồng hải sản là:

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Duyên hải miền Trung.
- D. Đông Nam Bộ.

Câu 3: yếu tố tự nhiên quan trọng nhất ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành đánh bắt thủy sản ở nước ta

- A. Chế độ thủy văn
- B. Điều kiện khí hậu
- C. Địa hình đáy biển
- D. Nguồn lợi thủy sản

Câu 4: Căn cứ vào biểu đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas địa lí Việt Nam trang 20, các tỉnh có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông, thủy sản dưới 5% phân bố chủ yếu ở hai vùng?

- A. Đông nam Bộ, Bắc Trung Bộ
- B. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ
- C. Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ
- D. Đồng bằng sông Cửu Long , Tây Nguyên

Câu 5: Cho bảng số liệu. Sản lượng thủy sản ở nước ta trong giai đoạn 2000 - 2014 (Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng
2000	2250,9	1660,9	590,0
2010	5142,7	2414,4	2728,3
2012	5820,7	2705,4	3115,3
2014	6333,2	2920,4	3412,8

Theo số liệu ở bảng trên, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng thủy sản của nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Tổng sản lượng thủy sản tăng gấp 5,5 lần trong giai đoạn 2000 – 2014.
- B. Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản nuôi trồng.
- C. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh và vượt sản lượng thủy sản khai thác trong giai đoạn 2010 – 2014.
- D. Sản lượng thủy sản khai thác luôn chiếm ưu thế trong cơ cấu tổng sản lượng thủy sản của nước ta

Câu 6: Sản lượng khai thác hải sản ở nước ta tăng khá nhanh trong thời gian gần đây do

- A. đẩy mạnh đánh bắt hải sản ven bờ.
- B. ngày càng ít các cơn bão đổ bộ vào biển Đông.
- C. tàu thuyền, ngư cụ trang bị ngày càng tốt hơn.

D. môi trường biển được cải tạo, nguồn hải sản tăng.

Câu 7: Một trong những ngư trường trọng điểm của nước ta?

- A.** Cà Mau – Kiên Giang **B.** Hải Phòng- Nam Định
C. Thái Bình – Thanh Hóa **D.** Quảng Ngãi – Bình Định

Câu 8: Ngành nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long vì:

- A.** Có hai mặt giáp biển, ngư trường lớn.
B. Có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.
C. Có nguồn tài nguyên thủy sản phong phú.
D. Ít chịu ảnh hưởng của thiên tai.

Câu 9: Căn cứ vào bản đồ thủy sản, Atlas ĐLVN trang 20, hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng cao nhất cả nước năm 2007 là

- A.** Bà Rịa – Vũng Tàu, Bình Thuận. **B.** Kiên Giang, An Giang.
C. Đồng Tháp, Cần Thơ. **D.** Trà Vinh, Sóc Trăng.

Câu 10: Trong việc sử dụng rừng ngập mặn phía Tây Nam của Đồng bằng sông Cửu Long không nên :

- A.** Cải tạo một phần thích hợp thành bãi nuôi tôm
B. Trồng vú sữa, kết hợp với bảo vệ môi trường sinh thái
C. Tiếp tục trồng rừng và mở rộng diện tích rừng
D. Cải tạo để trồng lúa và nuôi tảo sản nước ngọt

Câu 11: sự cố nào dưới đây ảnh hưởng nghiêm trọng nhất ngành nuôi trồng và đánh bắt hải sản nước ta?

- A.** cơn bão số 2 tháng 8/2016
B. Xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long tăng cao năm 2015- 2016
C. cơn bão số 5 tháng 9/2016
D. Công ty Formosa Hà Tĩnh xả thải trái phép ra biển tháng 4/2016

Câu 12: Trong các địa phương dưới đây, nơi có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh cao nhất là

- A.** Quảng Bình **B.** Bình Dương **C.** Thái Bình **D.** Vĩnh Phúc

Câu 13: Ngư trường trọng điểm số 1 của nước ta là

- A.** Quảng Ninh - Hải Phòng. **B.** Hoàng Sa - Trường Sa.
C. Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu. **D.** Kiên Giang - Cà Mau.

Câu 14: Các vườn quốc gia như Cúc Phương, Bạch Mã, Nam Cát Tiên thuộc loại:

- A.** Rừng phòng hộ. **B.** Rừng đặc dụng.
C. Rừng khoanh nuôi. **D.** Rừng sản xuất.

Câu 15: Nước ta 3/4 diện tích là đồi núi lại có nhiều rừng ngập mặn, rừng phi lao ven biển cho nên

- A.** Lâm nghiệp có vai trò quan trọng hàng đầu trong cơ cấu nông nghiệp.
B. Lâm nghiệp có mặt trong cơ cấu kinh tế của hầu hết các vùng lãnh thổ.
C. Việc trồng và bảo vệ rừng sử dụng một lực lượng lao động đông đảo.
D. Rừng ở nước ta rất dễ bị tàn phá.

Câu 16: Cho bảng số liệu

Sản lượng thủy sản phân theo vùng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014 (Đơn vị: nghìn tấn)

Vùng	Năm 2000	Năm 2014
------	----------	----------

Trung du và miền núi Bắc Bộ	55,1	198,9
Đồng bằng sông Hồng	194,0	679,6
Bắc Trung Bộ	164,9	466,0
Duyên hải Nam Trung Bộ	462,9	932,2
Tây Nguyên	10,3	34,7
Đông Nam Bộ	194,3	417,0
Đồng bằng sông Cửu long	1169,1	3604,8
Cả nước	2250,6	6333,2

Theo số liệu ở bảng trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về sản lượng thủy sản phân theo vùng ở nước ta trong giai đoạn 2000 – 2014?

- A. Sản lượng thủy sản của cả nước và tất cả các vùng đều tăng.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long luôn dẫn đầu các vùng về sản lượng thủy sản.
- C. Tây Nguyên là vùng có sản lượng thủy sản luôn thấp nhất cả nước.
- D. Đồng bằng sông Hồng là vùng có tốc độ tăng thủy sản nhanh nhất nước.

Câu 17: Việc trồng rừng của nước ta có đặc điểm:

- A. Rừng trồng chiếm diện tích lớn nhất trong các loại rừng.
- B. Mỗi năm trồng được gần 0,2 triệu ha.
- C. Rừng trồng không bù đắp được cho rừng bị phá.
- D. Tất cả các đặc điểm trên.

Câu 18: Ý nào dưới đây chưa đúng khi nói về điều kiện khai thác và nuôi trồng thủy sản hiện nay ở nước ta?

- A. Nhân dân ta có kinh nghiệm, truyền thống đánh bắt và nuôi trồng thủy sản
- B. Phương tiện tàu thuyền, ngư cụ vẫn còn lạc hậu, hạn chế đánh bắt xa bờ
- C. Các dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển
- D. Chưa hình thành các cơ sở chế biến thủy sản

Câu 19: Một trong những yếu tố gây khó khăn cho sự phát triển ngành thủy sản ở nước ta trong những năm qua là

- A. Sự phát triển của công nghiệp chế biến thủy sản
- B. Hệ thống các cảng cá chưa đủ đáp ứng nhu cầu
- C. Nhu cầu ngày càng tăng của thị trường tiêu thụ thủy sản trong nước
- D. Nhu cầu ngày càng tăng của thị trường quốc tế

Câu 20: Cho bảng số liệu

Cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005-2014 (Đơn vị: %)

Năm	2005	2007	2010	2012	2014
Khai thác	57,7	49,4	47,0	46,5	46,1
Nuôi trồng	42,3	51,6	53,0	53,5	53,9

Dựa vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biểu đồ nào thể hiện thích hợp nhất cơ cấu sản lượng thủy sản nước ta giai đoạn 2005-2014?

- A. Biểu đồ tròn. B. Biểu đồ cột. C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ miền.

Câu 21: Cho bảng số liệu

Diện tích sản lượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta trong giai đoạn 1998 – 2014

Năm	1998	2006	2010	2014
Diện tích nuôi trồng (nghìn ha)	525	977	1053	1056
Sản lượng (nghìn tấn)	425	1694	2728	3413

Để thể hiện diện tích và sản lượng thủy sản nuôi trồng ở nước ta trong giai đoạn 1998 – 2014, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ kết hợp. B. Biểu đồ miền. C. Biểu đồ cột. D. Biểu đồ đường.

Câu 22: Đây là tỉnh có ngành thủy sản phát triển toàn diện cả khai thác lẫn nuôi trồng:

- A. An Giang. B. Đồng Tháp.
C. Bà Rịa - Vũng Tàu. D. Cà Mau.

Câu 23: Một trong những ngư trường trọng điểm của nước ta?

- A. Hải Phòng- Nam Định B. Thái Bình – Thanh Hóa
C. Hải Phòng – Quảng Ninh D. Nghệ An – Hà Tĩnh

Câu 24: Tỉnh dẫn đầu cả nước về thủy sản khai thác là

- A. An Giang. B. Kiên Giang. C. Bình Định. D. Phú Yên

Câu 25: Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự suy thoái tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là do

- A. Khai thác bừa bãi, quá mức B. Sự tàn phá của chiến tranh
C. Nạn cháy rừng D. Du canh, du cư

Câu 26: Căn cứ vào biểu đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas địa lí Việt Nam trang 20, các tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng (năm 2007) cao tập trung chủ yếu ở hai vùng:

- A. Đồng bằng sông Cửu Long , duyên hải Nam Trung Bộ
B. Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long
C. Đồng bằng sông Cửu Long, Bắc Trung Bộ
D. Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Hồng

Câu 27: Một trong những yếu tố thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy sản ở nước ta trong những năm qua là:

- A. Các hiện tượng cực đoan của thời tiết , khí hậu
B. Hệ thống các cảng cá chưa đáp ứng được nhu cầu
C. Diễn biến về chất lượng môi trường ở một số vùng biển
D. Nhu cầu đa dạng của thị trường trong nước và quốc tế

Câu 28: Dựa vào bảng số liệu sau đây về sản lượng thủy sản của nước ta thời kì 1990 - 2005. (Đơn vị: nghìn tấn)

Chỉ tiêu	1990	1995	2000	2005
Sản lượng	890,6	1584,4	2250,5	3432,8

Khai thác	728,5	1195,3	1660,9	1995,4
Nuôi trồng	162,1	389,1	589,6	1437,4

Nhận định nào sau đây chưa chính xác?

- A. Sản lượng thủy sản tăng nhanh, tăng liên tục và tăng toàn diện.
- B. Nuôi trồng tăng gần 8,9 lần trong khi khai thác chỉ tăng hơn 2,7 lần.
- C. Tốc độ tăng của nuôi trồng nhanh gấp hơn 2 lần tốc độ tăng của cả ngành.
- D. Sản lượng thủy sản giai đoạn 2000 - 2005 tăng nhanh hơn giai đoạn 1990 - 1995.

Câu 29: Dựa vào Atlas ĐLVN trang 20, hãy cho biết 4 tỉnh dẫn đầu cả nước về SL khai thác thủy sản.

- A. Kiên Giang, Bạc Liêu, Phú Yên, Quảng Ninh.
- B. Bình Thuận, Bến Tre, Nghệ An, Quảng Bình.
- C. Cà Mau, Ninh Thuận, Quảng Nam, Thanh Hoá.
- D. Kiên Giang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Thuận, Cà Mau.

Câu 30: Tại sao năng suất lao động trong ngành thủy sản còn thấp?

- A. Người dân thiếu kinh nghiệm đánh bắt.
- B. Nguồn lợi thủy sản ven bờ suy giảm.
- C. Phương tiện đánh bắt chậm đổi mới.
- D. Các cảng cá chưa đáp ứng yêu cầu

Câu 31: Căn cứ vào bản đồ thủy sản Atlas ĐLVN trang 20, hãy xác định tỉnh, thành phố có giá trị sản xuất thủy sản trong tổng giá trị sản xuất nông – lâm – thủy sản trên 50%.

- A. Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định.
- B. Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.
- C. Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà.
- D. Đà Nẵng, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bạc Liêu, Cà Mau.

Câu 32: Trong các địa phương dưới đây, nơi có tỉ lệ diện tích rừng so với diện tích toàn tỉnh cao nhất là

- A. Hưng Yên
- B. Bình Dương
- C. Kon Tum
- D. Vĩnh Phúc

Câu 33: Nạn chặt phá rừng và cháy rừng những năm gần đây diễn ra nhiều nhất ở

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Bắc Trung Bộ
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 34: Ý nào dưới đây là đúng khi nói về ngành thủy sản của nước ta hiện nay?

- A. Phương tiện tàu thuyền, ngư cụ còn lạc hậu, không được trang bị mới
- B. Các dịch vụ thủy sản ngày càng phát triển
- C. Chưa hình thành các cơ sở chế biến thủy sản
- D. Các mặt hàng thủy sản chưa được chất nhận ở thị trường Hoa Kỳ

Câu 35: Căn cứ vào biểu đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas địa lí Việt Nam trang 20, trong giai đoạn 2000-2007, sản lượng thủy sản nuôi trồng nước ta tăng

- A. Khoảng 1,6 lần
- B. Khoảng 2,6 lần
- C. Khoảng 3,6 lần
- D. Khoảng 4,6 lần

Câu 36: Đây là biện pháp quan trọng để có thể vừa tăng sản lượng thủy sản vừa bảo vệ nguồn lợi thủy sản:

- A. Tăng cường và hiện đại hoá các phương tiện đánh bắt.
- B. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến.
- C. Hiện đại hoá các phương tiện tăng cường đánh bắt xa bờ.

D. Tăng cường đánh bắt, phát triển nuôi trồng và chế biến.

Câu 37: Nước ta có điều kiện thuận lợi để nuôi thả cá, tôm nước ngọt là vì có nhiều

- A.** ao hồ, ô trũng, đầm phá. **B.** cánh rừng ngập mặn, sông suối.
C. vùng vịnh nước sâu, kênh rạch. **D.** sông suối, ao hồ, kênh rạch, ô trũng.

Câu 38: Các cánh rừng phi lao ven biển của miền Trung là loại rừng:

- A.** Sản xuất. **B.** Phòng hộ. **C.** Đặc dụng. **D.** Khoanh nuôi.

Câu 39: đồng bằng sông Cửu Long có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất nước chủ yếu là do

- A.** Điều kiện khí hậu ổn định **B.** Nhiều ngư trường trọng điểm
C. Nhiều bãi triều, diện tích mặt nước lớn **D.** Vùng biển rộng, thềm lục địa nông

Câu 40: Vai trò quan trọng nhất của rừng đầu nguồn là:

- A.** Tạo sự đa dạng sinh học. **B.** Điều hoà nguồn nước của các sông.
C. Điều hoà khí hậu, chắn gió bão. **D.** Cung cấp gỗ và lâm sản quý.

Câu 41: Loại rừng có diện tích lớn nhất ở nước ta hiện nay là:

- A.** Rừng phòng hộ. **B.** Rừng đặc dụng. **C.** Rừng sản xuất. **D.** Rừng trồng.

Câu 42: Nghề nuôi cá nước ngọt phát triển, đặc biệt là ở

- A.** Bắc Trung Bộ và Đông Nam Bộ. **B.** đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ.
C. đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.
D. Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 43: Nghề nuôi cá tra, cá ba sa trong lồng rất phát triển ở tỉnh:

- A.** Đồng Tháp. **B.** Cà Mau. **C.** Kiên Giang. **D.** An Giang.

Câu 44: Ngư trường nào không được xác định là ngư trường trọng điểm?

- A.** Cà Mau – Kiên Giang **B.** Thanh Hóa – Nghệ An
C. Hải Phòng – Quảng Ninh **D.** Quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa

Câu 45: hoạt động nào sau đây thuộc về lâm nghiệp

- A.** Mở rộng diện tích trồng chè **B.** Vận chuyển gỗ đã qua chế biến
C. Xuất khẩu đồ gỗ mỹ nghệ **D.** Khai thác, chế biến gỗ và lâm sản

Câu 46: Khó khăn đối với ngành thủy sản ở một số vùng ven biển là

- A.** thiếu lực lượng lao động. **B.** nguồn lợi thủy sản suy giảm.
C. không tiêu thụ được sản phẩm. **D.** không có phương tiện đánh bắt.

Câu 47: Căn cứ vào biểu đồ Thủy sản (năm 2007) ở Atlas địa lí Việt Nam trang 20, các tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất nước là

- A.** Bình Thuận , Bình Định **B.** Kiên Giang, Cà Mau
C. Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu **D.** Cà Mau, Bình Thuận

Câu 48: Vùng nuôi tôm lớn nhất của nước ta

- A.** Đồng bằng sông Hồng **B.** Bắc Trung Bộ
C. Đồng bằng sông Cửu Long **D.** Duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 49: Ngư trường Cà Mau- Kiên Giang là một trong những ngư trường lớn nhất nước ta do khu vực này có

- A.** Các dòng hải lưu, thềm lục địa nông, nhiều cửa sông và bãi triều
B. Bờ biển khúc khuỷu, nhiều vùng vịnh, đầm phá
C. Các dòng hải lưu, nhiều cửa sông lớn, biển sâu
D. Bờ biển khúc khuỷu, hệ thống đảo ven bờ dày đặc

Câu 50: Vườn quốc gia Cúc Phương thuộc tỉnh:

- A. Lâm Đồng. B. Đồng Nai. C. Ninh Bình. D. Thừa Thiên - Huế.

Câu 51: Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 18, vùng nào có diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản lớn nhất nước ta ?

- A. Đồng bằng sông Hồng B. Bắc Trung Bộ
C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Đồng bằng sông Cửu Long

Câu 52: căn cứ vào bản đồ lâm nghiệp (năm 2007) ở atlas địa lí Việt nam trang 20, hai tỉnh có giá trị sản xuất lâm nghiệp cao nhất nước ta là

- A. Bắc Giang, Thanh Hóa B. Nghệ An , Sơn La
C. Nghệ An , Lạng Sơn D. Thanh Hóa, Phú Thọ

Câu 53: căn cứ vào bản đồ lâm nghiệp (năm 2007) ở atlas địa lí Việt nam trang 20, trong giai đoạn 2000-2007, tổng diện tích rừng nước ta tăng

- A. 1284 nghìn ha B. 1428 nghìn ha C. 1824 nghìn ha D. 12184 nghìn ha

Câu 54: Để tăng sản lượng thủy sản khai thác, vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết đó là

- A. đầu tư trang thiết bị, phương tiện hiện đại để đánh bắt xa bờ.
B. phổ biến kinh nghiệm và trang bị kiến thức cho ngư dân.
C. tìm kiếm các ngư trường đánh bắt mới. D. phát triển mạnh công nghiệp chế biến.

Câu 55: Yếu tố tự nhiên nào sau đây ảnh hưởng nhiều nhất tới hoạt động khai thác thủy sản ở nước ta?

- A. Sạt lở bờ biển và thủy triều. B. Động đất và sương mù ngoài biển.
C. Thủy triều đỏ và gió mùa Tây Nam. D. Bão và gió mùa Đông Bắc.

Câu 56: Loại rừng có vai trò bảo vệ nguồn gen các loại sinh vật quý hiếm, nghiên cứu khoa học ở nước ta hiện nay là:

- A. Rừng phòng hộ. B. Rừng đặc dụng. C. Rừng sản xuất. D. Rừng trồng.

Câu 57: Rừng tự nhiên của nước ta được chia làm 3 loại là

- A. Rừng phòng hộ, rừng ngập mặn và rừng khoanh nuôi.
B. Rừng phòng hộ, rừng sản xuất và rừng tái sinh.
C. Rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
D. Rừng khoanh nuôi, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

Câu 58: Căn cứ vào biểu đồ sản lượng thủy sản của cả nước qua các năm ở Atlas trang 20, sự thay đổi cơ cấu sản lượng thủy sản trong giai đoạn 2000 – 2007 diễn ra theo hướng

- A. giảm tỉ trọng nuôi trồng, tăng tỉ trọng khai thác.
B. tăng cả tỉ trọng nuôi trồng lẫn tỉ trọng khai thác.
C. giảm cả tỉ trọng nuôi trồng lẫn tỉ trọng khai thác
D. tăng tỉ trọng nuôi trồng, giảm tỉ trọng khai thác.

ĐÁP ÁN

1	D	11	D	21	A	31	D	41	A	51	D
2	C	12	A	22	D	32	C	42	C	52	C
3	D	13	D	23	C	33	D	43	D	53	C
4	C	14	B	24	B	34	B	44	B	54	A
5	C	15	B	25	A	35	C	45	D	55	D
6	C	16	D	26	B	36	C	46	B	56	B

7	A	17	B	27	D	37	D	47	C	57	C
8	C	18	D	28	D	38	C	48	C	58	D
9	B	19	B	29	D	39	C	49	A		
10	D	20	D	30	C	40	B	50	C		